

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **58/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 16/8/2023

V/v “Ly hôn và
tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Hà
- Ông Ngô Anh Tuấn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát Viên

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐST-HN, ngày 14/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐ-HPT ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn N, huyện H, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: ông Lê Trọng T, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu phố P, thị trấn C, huyện T1, Bình Thuận

(Có mặt bà H, vắng mặt ông T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 14 tháng 4 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Lê Trọng T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã P1(cũ). Trong quá trình sống chung thì giữa tôi và ông T sống không hạnh phúc thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiền nói chung, ông T thường xuyên rượu chè, cờ bạc dẫn đến gây chuyện đánh đập, hù dọa bà đủ điều, gây tâm lý hoang mang cho bà. Bà và ông T đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2018, đến năm 2019 thì chấm dứt quan hệ vợ chồng, nên bà không còn tình cảm với ông T nữa. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: 02 đứa. Lê Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2012 và Lê Đình K, sinh ngày 24/01/2018 hiện đang ở với tôi, tôi yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Lê Trọng T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Trọng T.

Về con chung: Giao cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2012 và Lê Đình K, sinh ngày 24/01/2018 đến khi đủ 18 tuổi.

Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Không có

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định địa chỉ của bị đơn ông Lê Trọng T đúng theo như địa chỉ của nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên do ông T thường xuyên vắng nhà nên không thực hiện được việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T. Vì vậy Tòa đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Trọng T được xác lập quan hệ vợ chồng là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1(hiện là thị trấn C), huyện T1, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống bà H xác nhận giữa bà và ông T sống không hạnh phúc thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên rượu chè, cờ bạc dẫn đến gây chuyện đánh đập, hù dọa tôi đủ

điều, gây tâm lý hoan man cho bà, dẫn đến mâu thuẫn không tự giải quyết và đã ly thân nhau từ năm 2019. Xét thấy, mặc dù Tòa không ghi được lời khai của ông T nhưng những gì bà H khai cũng đủ cơ sở xác nhận là tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T có mâu thuẫn nên đã có thời gian ly thân nhau một thời gian dài như vậy, từ khi ly thân nhau ông T không liên lạc gì đến vợ con. Chứng tỏ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ làm chồng làm cha, ông biết bà H làm đơn ly hôn ông nhưng ông cố tình không đến, ông không phản đối gì đến yêu cầu của bà H cho nên quyền lợi của ông không được pháp luật bảo vệ.

Từ những phân tích nhận định như trên có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống chung giữa bà H và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà và ông T ly thân nhau thì bà H là người trực tiếp nuôi con, ông T bỏ mặc và không có trách nhiệm với con cái. Chứng tỏ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung, tại phiên tòa bà H cam đoan sẽ lo cho đứa con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, vì vậy nên tiếp tục giao con cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.

[5] Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử:

Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Trọng T. Bà H được ly hôn với ông T

Về con chung: Giao cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2012 và Lê Đình K, sinh ngày 24/01/2018 đến khi trưởng thành.

Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Bà H không được ngăn cản ông T trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp **300.000đ** (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Trừ vào số tiền bà H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012179 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1.

[3] Về kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2023), đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Lý Văn Lầy